

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG H
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2022
V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG H, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thư và Trần Duy Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông H tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Bích L - sinh năm 1991

- Bị đơn: ông Trần Nguyễn H – sinh năm 1983

- Người làm chứng: bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1955

Đồng trú tại: Khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Bà L có mặt, ông H và bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn ly hôn ngày 15 tháng 11 năm 2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:** bà và ông Trần Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòa V vào ngày 27/5/2010, đến nay đã có 02 con chung. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng, mâu thuẫn vì cả hai có suy nghĩ và cách sống khác nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống sau này. Hiện nay ông H đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, vì tình hình dịch bệnh nên không về được, bà đề nghị giải quyết vắng mặt ông H.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 26/5/2012 và Trần Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/5/2018. Hiện nay cháu lớn là Trần Nguyễn Bảo T đang sống với ba tại nhà ông bà nội, cháu nhỏ là Trần Nguyễn Hồng G do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, giao ông H nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Nguyễn H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.**

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà là mẹ ruột của ông Trần Nguyễn H. Vợ chồng H, L không còn muốn sống cùng nhau, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, L vẫn cương quyết ly hôn nên bà không có ý kiến gì. Hiện nay H đang làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh, bà có nhận các Thông báo triệu tập Tòa án và báo lại nhưng Hiên không về được vì tình hình dịch bệnh, nên đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Cháu Trần Nguyễn Bảo T là con gái lớn của vợ chồng H, L hiện nay do Hiên nuôi dưỡng, tuy nhiên do đang đi làm ở xa nên gửi vợ chồng bà chăm sóc, hàng tháng gửi tiền về để ông bà nội lo cho cháu. Cháu Trần cũng có ý kiến xin được ở với ba và ông bà nội, đề nghị Tòa án xem xét và chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L; Giao cho bà L trực tiếp chăm sóc con chung Trần Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/5/2018, ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 26/5/2012; không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì nguyên đơn không yêu cầu.

+ Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an phường Hòa V, thị xã Đông H ngày

15/12/2021, bị đơn ông Trần Nguyễn H có đăng ký NKTT tại khu phố 2, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Do đó vụ án ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên theo các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H đã được triệu tập họp lệ các Thông báo hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích L và ông Trần Nguyễn H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa V, huyện Đông H (*nay là phường Hòa V, thị xã Đông Hòa*) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2010, quyền số 09/2010 ngày 27/5/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn vì giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Bà về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 5/2021, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày, cho thấy bản thân ông không quan tâm đến việc hoà giải để hàn gắn mâu thuẫn, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và xây dựng hạnh phúc gia đình với bà L. Theo bà N mẹ ông H, vợ chồng ông H bà L không còn muốn tiếp tục sống chung dù gia đình hòa giải rất nhiều lần, do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung là Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 26/5/2012 và Trần Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/5/2018. Xét đơn tự nguyện ở với ba của cháu T phù hợp lời trình bày của bà N và yêu cầu của bà L. Do đó, HĐXX giao bà L tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, ông H nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu theo quy định tại Điều 81 Luật HN&GD năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: bà L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/5/2018; ông Trần Nguyễn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 26/5/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở; Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Bích L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0001683 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX Đông H;
- CC.THADS TX Đông H;
- UBND P. Hòa V
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tuyết Trinh